

BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH NĂM 2021

TỈNH THÁI NGUYÊN

GAİ ĐOẠN CHƯƠG TRÌNH: NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 4195 /BC-SNN ngày 27 /12/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên)

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH		
DLI	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Số Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	1	1
DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	1	1
DLI 1.3 Số Đầu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động	4.967	4.188
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có đầu nối vào Hệ thống Nước Bền vững	1.551	1.493
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh Toàn xã cách đây 2 năm, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được Tình trạng Vệ sinh	5	5
DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được phê duyệt và công bố công khai	2	2
DLI 3.2 Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	1	1

Tổng số công trình nước đề xuất kiểm đếm đầu nối mới: 9 công trình.

Tổng số công trình nước đề xuất kiểm đếm công trình bền vững: 8 công trình

BẢNG I-2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN 1.1		
	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/6/2021 phê duyệt kế hoạch tăng cường năng lực và kế hoạch truyền thông cấp nước, truyền thông thay đổi hành vi năm 2021. Kết quả thực hiện các hoạt động theo kế hoạch BCC như sau:		
NGÀNH Y TẾ		
Hoạt động cấp tỉnh		
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai về chương trình năm 2021	Số lượng: 01 hội nghị Số người: 40 đại biểu	Tổ chức ngày 19,20/8/2021 Số lượng: 02 cuộc (Tuân thủ theo Công văn số 3345/UBND-KGVX ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tiếp tục thực hiện một số biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID trên địa bàn tỉnh. Hội nghị được tổ chức chia thành 2 ngày) Số đại biểu: 34/40 người. (Nam: 18 người; Nữ: 16 người; DTTS: 15 người)
Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ huyện, xã	Số lượng: 01 lớp Số người: 20 học viên	Tổ chức 2 ngày 26, 27/8/2021 Số lượng: 01 cuộc Số học viên: 20 người. (Nam: 11 người; Nữ: 9 người, DTTS: 10 người)
Hoạt động 3: Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (ii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san.	Phóng sự: 02 phóng sự Tin bài: 02 tin bài	- 02 phóng sự: phát trên kênh TN1 Đài PTTH Thái Nguyên + Phóng sự 1: Dân tiến giữ vững tiêu chí vệ sinh toàn xã, phát sóng ngày 28/10/2021 + Phóng sự 2: Nâng cao tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu HVS, phát sóng ngày 25/11/2021 - 02 tin bài gồm: 01 tin bài đăng trên số 7032 ngày 30/11/2021 của Báo Thái Nguyên, tiêu đề "Bỏ thói quen lạc hậu"; 01 tin bài đăng trên số 7029 ngày 27/11/2021 của Báo Thái Nguyên tiêu đề "Giữ vững tiêu chí vệ sinh toàn xã"
Hoạt động 4: Hoạt động duy trì, phát triển 08 CHTI tại 08 xã năm 2020	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai
Hoạt động 5: Rà soát, đánh giá tình trạng công trình vệ sinh và điểm rửa tay trong Trạm Y tế và Trường học	5 xã: Xã Minh Tiến huyện Đại Từ; Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ; Xã Yên Ninh huyện Phú Lương; Xã Sơn Phú huyện Định Hóa; Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai	5 xã: Xã Minh Tiến huyện Đại Từ; Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ; Xã Yên Ninh huyện Phú Lương; Xã Sơn Phú huyện Định Hóa; Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai

của các xã “Vệ sinh toàn xã bền vững” năm 2021 (Xã đạt Vệ sinh toàn xã năm 2019)	Định Hóa; Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai	
Hoạt động 6: Lấy mẫu nước xét nghiệm theo quy chuẩn cho Trường học và Trạm Y tế (05 xã bền vững)	5 xã bền vững : 18 trường và 5 Trạm Y tế	Thời gian thực hiện: Quý III/2021 5 xã bền vững : 18 trường và 5 Trạm Y tế
Hoạt động 7: Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận 09 xã đạt "Vệ sinh toàn xã", 2 xã chuyển tiếp và 6/11 xã "Vệ sinh toàn xã bền vững" năm 2020	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Tràng Xá huyện Võ Nhai - 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Tràng Xá huyện Võ Nhai - 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương
Hoạt động 8: In và phân phối tài liệu truyền thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT Phụ lục II sổ tay điều chỉnh hướng dẫn triển khai Chương trình	Phân phối tài liệu truyền thông cho 5 xã (Xã Minh Tiến; Xã Tân Lợi; Xã Yên Ninh; Xã Sơn Phú; Xã Dân Tiến) vệ sinh toàn xã bền vững năm 2021 gồm: - Sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình: 7 quyển - Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn tỉnh, huyện: 7 quyển	Phân phối tài liệu truyền thông cho 5 xã (Xã Minh Tiến; Xã Tân Lợi; Xã Yên Ninh; Xã Sơn Phú; Xã Dân Tiến) vệ sinh toàn xã bền vững năm 2021 gồm: - Sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình: 7 quyển - Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn tỉnh, huyện: 7 quyển
Hoạt động 9: Thuê làm Pano về vệ sinh	2 pano/xã	10 pano tại các Xã Minh Tiến; Xã Tân Lợi; Xã Yên Ninh; Xã Sơn Phú; Xã Dân Tiến
Hoạt động 10: Chi khác (VPP, Photo biểu mẫu, chứng từ quyết toán, công chứng...)		
Hoạt động cấp huyện		

Hoạt động 11: Hội nghị triển khai về chương trình năm 2021	1 hội nghị/1 huyện Tổng số người tham dự: 85 người	Tổng: 5 Hội nghị Tổng số đại biểu tham dự: 83/85 người - Huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 29/10/2021 với 17 đại biểu (Nam: 9 người; Nữ: 8 người; DTTS: 05 người). - Huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 17/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 5 người; Nữ: 12 người, DTTS: 06 người). - Xã Huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 14/10/2021 với 15 đại biểu (Nam: 6 người; Nữ: 9 người; DTTS: 6 người). - Huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 20/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 7 người, DTTS: 10 người). - Huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 7/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 5 người; Nữ: 12 người, DTTS: 9 người).
Hoạt động 12; Tập huấn cho cán bộ xã, tuyên truyền viên về phương pháp thực hiện kỹ năng truyền thông tại cộng đồng	1 lớp/xã (tổng 5 lớp) Tổng số: 166 học viên	Tổng số lớp: 5 lớp Tổng số đại biểu tham dự: 116/166 đại biểu - Xã Minh Tiến huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 9/11/2021 với 20 đại biểu (Nam: 11 người; Nữ: 9 người, DTTS: 15 người). - Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 3,4/11/2021 với 16 đại biểu (Nam: 8 người; Nữ: 8 người, DTTS: 9 người). - Xã Sơn Phú huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 19,20/10/2021 với 26 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 12 người, DTTS: 16 người). - Xã Yên Ninh huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 8,9/9/2021 với 28 đại biểu (Nam: 18 người; Nữ: 10 người, DTTS: 24 người). - Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 22,23/9/2021 với 14 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 4 người, DTTS: 7 người). Tổ chức ngày 27,28/9/2021 với 12 đại biểu (Nam: 9 người; Nữ: 3 người, DTTS: 10 người).
Hoạt động 13: Hoạt động duy trì 8 CHTI tại 8 xã năm 2020	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai
Hoạt động 14: Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận 09 xã đạt "Vệ sinh toàn xã" và 2 xã chuyển tiếp và	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Trảng Xá huyện Võ Nhai

11 xã "Vệ sinh toàn xã bền vững" năm 2020 (Kiểm đếm ngẫu nhiên 6/11 xã)	Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Tràng Xá huyện Võ Nhai - 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương	- 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương
Hoạt động 15: Chi khác (VPP, công chứng, photo chứng từ...)	5 huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương	5 huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương
Hoạt động cấp xã		
Hoạt động 16: Hội nghị triển khai kế hoạch năm 2021	1 hội nghị/xã (Tổng 5 hội nghị) Tổng số đại biểu: 88	Tổng số: 05 Hội nghị Tổng số đại biểu tham dự: 88/88 đại biểu - Xã Minh Tiến huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 11/11/2021 với 16 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 4 người, DTTS: 10 người). - Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 12/11/2021 với 14 đại biểu (Nam: 3 người; Nữ: 11 người, DTTS: 7 người). - Xã Sơn Phú huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 18/10/2021 với 19 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 5 người, DTTS: 9 người). - Xã Yên Ninh huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 10/9/2021 với 20 đại biểu (Nam: 8 người; Nữ: 12 người, DTTS: 15 người). - Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 21/9/2021 với 19 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 9 người, DTTS: 12 người).
Hoạt động 17: Hỗ trợ cho cán bộ Trạm Y tế xã đưa đoàn kiểm đếm đi xác nhận 09 xã đạt "Vệ sinh toàn xã" và 2 xã chuyển tiếp và 6/11 xã "Vệ sinh toàn xã bền vững" năm 2020	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Tràng Xá huyện Võ Nhai - 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã	- 11 xã đạt vệ sinh toàn xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Tân Thịnh, Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến, Phú Đình huyện Định Hóa; Xã Thần Sa, Xã Tràng Xá huyện Võ Nhai - 6 xã đạt vệ sinh toàn xã bền vững: Xã Cát Nê, Xã An Khánh huyện Đại Từ; Xã Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương

	Hóa Trung, Minh Lập huyện Đồng Hỷ; Xã Thành Công thị xã Phổ Yên; Xã Động Đạt huyện Phú Lương	
Hoạt động 18: Hỗ trợ hoạt động duy trì 8 CHTI tại 8 xã năm 2020	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai	8 xã: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Lam Vỹ, Xã Định Biên, Xã Linh Thông, Xã Bình Yên, Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai
Hoạt động 19: Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh xã	4 lần/tháng x 9 tháng	Tổng số: 180 lần - Xã Minh Tiến huyện Đại Từ: 36 lần - Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ: 36 lần - Xã Yên Ninh huyện Phú Lương: 36 lần - Xã Sơn Phú huyện Định Hóa: 36 lần - Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai: 36 lần
Hoạt động 20: Chi khác (VPP, photo chứng từ, biểu mẫu, công chứng...)	5 xã vệ sinh toàn xã bền vững năm 2021: Xã Minh Tiến huyện Đại Từ; Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ; Xã Yên Ninh huyện Phú Lương; Xã Sơn Phú huyện Định Hóa; Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai	9 xã triển khai Chương trình năm 2020: Xã Đức Lương huyện Đại Từ; Xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ; Xã Bình Yên huyện Định Hóa; Xã Linh Thông huyện Định Hóa; Xã Lam Vỹ huyện Định Hóa; Xã Định Biên huyện Định Hóa; Xã Phú Tiến huyện Định Hóa; Xã Tân Thịnh huyện Định Hóa; Xã Thần Sa huyện Võ Nhai
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
Hoạt động 1: In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các đơn vị trường học trường học	Số lượng: 01 hội nghị Số người: 40 đại biểu	- Cung cấp cho các trường Bộ tài liệu truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2021 theo nội dung thực tế như sau: Tờ rơi, Tài liệu Vệ sinh và phòng bệnh trong học đường ; Áp phích khổ A3 in trên chất liệu giấy; Bảng đĩa tuyên truyền
Hoạt động 2: Hoạt động ngoại khóa trong trường học - tổ chức hội thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, sử dụng nhà tiêu, rửa tay bằng xà phòng học đường cho học sinh	Số lượng: 09 hội nghị (Ngày hội) Số người: 3600 đại biểu	- Mỗi trường tại các xã bền vững đã lập kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường và có báo cáo về quá trình thực hiện - Mỗi hoạt động 300 học sinh - Tổ chức 09 hoạt động tại 09 trường mầm non, trường tiểu học và THCS thuộc 8 xã với các nội dung: Văn nghệ; Tuyên bố lý do - GT đại biểu; Khai mạc - Tổ chức Hội thi; Thi “Tuyên truyền”; Thi “vẽ tranh”; Trao thưởng.; Bế mạc Hội thi - Kết thúc hoạt động các em học sinh tại các nhà trường nắm được những kiến thức cơ bản và thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và vệ sinh trong trường học thông qua các hoạt động truyền thông phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

		- Nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ và hành vi ứng xử tốt của học sinh đối với nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường; tạo sự đồng thuận xã hội đối với công tác xã hội hoá nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường. Giúp các em hiểu và thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi
Hoạt động 3: Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi của học sinh về nước sạch, vệ sinh trong trường học	- Số lượng: 01 hội nghị - Số người: 118 đại biểu	- Tổ chức ngày 29/10/2021 - Thành phần: 118 người trong đó Sở GDĐT: 2 người; Phòng GDĐT: 02 x 4 phòng = 8 người; 27 trường mầm non, tiểu học, THCS 8 xã mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. (Nam: 20 người; Nữ: 98 người; DTTS: 84 người) - 100% học viên tham gia hội nghị đều nhận thức được ý nghĩa của chương trình và lợi ích khi xã đạt các tiêu chí “ Vệ sinh toàn xã” Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị trường học cam kết với Ban chỉ đạo dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên là nghiêm túc triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học.

- Cột “Mục tiêu”: điền số lượng các hoạt động

- Cột “Kết quả”: điền số lượng hoạt động, số lượng người tham gia, số lượng nam/ nữ, dân tộc thiểu số và thời gian thực hiện (ngày, tháng, năm)

BẢNG I-3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỆ SINH TOÀN XÃ CỦA TỈNH (Chỉ số 1.2)

Huyện	Xã	% HGD có nhà tiêu cải thiện	Tỷ lệ % HGD có điểm rửa tay XP	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số học sinh	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số Hộ gia đình trong xã	Tổng dân số của xã	% Hộ gia đình có chủ hộ là nữ	% Hộ gia đình là DTTS
Đồng Hỷ	Hợp Tiến	73,1	73,1			100	1.532	6.687	15	35
Tổng cộng	01	73,1	73,1			100	1.532	6.687	15	35

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NỐI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)													Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý			Dành cho tất cả các CTCN
Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm ¹	Tình trạng ²	Số đầu nối			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%) ⁵	Doanh thu tiền nước	Chi phí VH& BD	Mô hình Quản lý ⁶	Biên bản tham vấn với người sử dụng nước ⁷	Quyết định thành lập Tổ VH&B D của UBND xã ⁸	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cho cán bộ VH ⁹	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công trình
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động ³	Đầu nối mới và cải tạo	Tất cả các chỉ số ⁴	Arsen ⁴								
1	Cấp nước xã Hồng Tiến thị xã Phổ Yên	xã Hồng Tiến thị xã Phổ Yên	CM	500	500	500	đạt	đạt				CPC	có	có	có	Tập huấn thông tin giáo dục truyền thông và vận hành quản lý công trình
2	Cấp nước xã Trung Thành thị xã Phổ Yên	xã Trung Thành thị xã Phổ Yên	CM	486	466	466	đạt	đạt				CPC	có	có	có	
3	Cấp nước Làng Trảng xã Trảng xá huyện Võ Nhai	xã Trảng xá huyện Võ Nhai	CM	60	60	60	đạt	đạt				CPC	có	có	có	
4	Cấp nước xã Hóa Thượng huyện Đồng Hỷ	xã Hóa Thượng huyện Đồng Hỷ	CM	71	71	71	đạt	đạt				DSP				
5	Tiểu dự án 5: Cấp nước SH xã Tiên Phong thị xã Phổ Yên	xã Tiên Phong thị xã Phổ Yên	CM	1.700	1.688	698	đạt	đạt				DSP				Tập huấn thông tin giáo dục truyền thông và vận hành quản lý công trình
6	Tiểu dự án 6: Cấp nước sinh hoạt xã Đông Cao thị xã Phổ Yên	xã Đông Cao thị xã Phổ Yên	CM	1.178	1.221	1.221	đạt	đạt				DSP				
7	Tiểu dự án 8: Cấp nước sinh hoạt cụm xã Cù Vân - Hà Thượng - An Khánh huyện Đại Từ, xã Sơn Cẩm thành phố Thái Nguyên	xã Cù Vân - Hà Thượng - An Khánh huyện Đại Từ, xã Sơn Cẩm thành phố Thái Nguyên	CM	3.530	3.399	743	đạt	đạt				DSP				
8	Tiểu dự án 9: Cấp nước SH xã Cô Lũng huyện Phú Lương	xã Cô Lũng huyện Phú Lương	CM	534	586	212	đạt	đạt				DSP				
9	Tiểu dự án 11: Nâng cấp, cải tạo công trình xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ	xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ	CM	235	217	217	đạt	đạt				CPC	có	có	có	
	TỔNG CỘNG			8.294	8.208	4.188										

Ghi chú:

- Xã và huyện
- Chuẩn bị đầu tư (PL)/ Đang thi công (UC) /Đưa vào hoạt động (CM) / Hoạt động (OP),
- Hoạt động (cấp nước 24/7 và cho phép tỷ lệ ngưng trệ bình quân 10% hàng tháng)
- Điền “Đạt được” hoặc “Không đạt được” so với Quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT của Bộ Y Tế hay bất kỳ chỉ số kế tục nào
- Số giờ trong khoảng thời gian 24 giờ mà CTN cung cấp nước cho mạng lưới, tính trung bình trong 3 tháng cuối của giai đoạn báo cáo, tức là kết quả từ tháng 10 đến tháng 12 của năm được báo cáo.
- Điền tên cụ thể của tổ chức, đơn vị vận hành : “Doanh nghiệp Nông thôn (REN), tự tài trợ và đơn vị quản lý phi lợi nhuận (NFP), hợp tác xã (COP), hoặc Tư nhân (IND)7,8và9: Có hoặc Không (Dành cho các công trình CN do UBND xã quản lý)

BẢNG I-5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG (Chỉ số 2.1)												
Hệ thống số	Tên công trình/Địa điểm	Ngày CTCN bắt đầu hoạt động	Chất lượng nước ¹ (Tất cả các chỉ số)	Mô hình quản lý ²	Số đầu nổi nước			Doanh thu và chi phí			Nước thất thoát (%) ³	Thời điểm bắt đầu áp dụng thu tiền nước
					Theo kế hoạch ⁴	Số đầu nổi hợp lệ đề nghị kiểm đếm	Tổng số hộ đã đầu nổi ⁵	Chi phí VH-BD (VND) ⁶	Doanh thu từ nước (VND) ⁷	Chênh lệch giữa thu và chi (VND) ⁸		
1	Công trình xã Mỹ Yên huyện Đại Từ	10/2019	Đạt	CPC	350	350	350	109.658.000	151.334.230	42.701.170	23	12/2019
2	Tiêu dự án 10: Cấp nước SH Tân Đô xã Hòa Bình huyện Đồng Hỷ	8/2019	Đạt	CPC	269	256	256	16.920.000	20.104.000	3.184.000	19,3	1/2020
3	Công trình Cây Thông xã Phúc Lương huyện Đại Từ	5/2019	Đạt	CPC	73	73	73	3.955.000	4.213.000	258.000	13	7/2019
4	Công trình Lũng 1,2 xã Phú Lạc huyện Đại Từ	5/2019	Đạt	CPC	284	286	286	8.938.000	12.157.000	3.219.000	11,7	7/2019
5	Công trình Làng Giai xã La Hiên huyện Võ Nhai	12/2019	Đạt	CPC	98	89	89	5.880.000	6.776.000	896.000	16,3	1/2020
6	Công trình Cao Ngán thành phố Thái Nguyên	6/2019	Đạt	CPC	250	212	212	2.977.000	30.734.000	964.000	18,7	10/2019
7	Công trình Xuân Phương huyện Phú Bình	7/2019	Đạt	DSP	95	95	95	92.013.924	97.927.500	5.913.576	18,3	1/2020
8	Công trình Tân Thịnh huyện Định Hóa	10/2019	Đạt	CPC	132	132	132	7.711.000	8.922.000	1.211.000	17	1/2020
	Tổng				1.551	1.493	1.493					

¹ Có thể điền: ‘Đạt’ hoặc ‘Không đạt’ theo các tiêu chuẩn của **Đầu nổi nước Hoạt động** được định nghĩa trong STHD.

² Có thể ghi: Đơn vị sự nghiệp (PSP), Doanh nghiệp (E), hoặc UBND xã (CPC)

³ Chỉ áp dụng đối với các công trình có sử dụng điện và/hoặc hóa chất trong sản xuất, phân phối nước, được tính là tỷ số giữa tổng lượng nước thất thoát vật lý và thương mại và tổng lượng nước cấp vào mạng phân phối, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁴ Số đầu nổi đạt tiêu chuẩn **Đầu nổi nước theo kế hoạch**, được định nghĩa trong Hướng dẫn tiêu chí CTCN bền vững của Trung tâm Quốc gia NS và VMT nông thôn đã gửi và hướng dẫn các tỉnh.

⁵ Tổng số hộ đầu nổi vào CTCN, bao gồm các hộ mới đầu nổi trong năm báo cáo, và các hộ đã đầu nổi từ trước.

⁶ Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng CTCN, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁷ Tổng doanh thu từ cấp nước, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁸ Doanh thu từ nước trừ chi phí VH-BD.

BẢNG I-6: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BỀN VỮNG (Chỉ số 2.2)

Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh
Đại Từ	Minh Tiến	2019	100%	100%
Đông Hỷ	Tân Lợi	2019	100%	100%
Phú Lương	Yên Ninh	2019	100%	100%
Định Hóa	Sơn Phú	2019	100%	100%
Võ Nai	Dân Tiến	2019	100%	100%
Tổng cộng	5 xã			

BẢNG I-7: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.1 - Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai

Kế hoạch Chương trình				Báo cáo Chương trình			
Được công bố công khai chưa?	Số Kế hoạch, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link	Được công bố công khai chưa?	Số báo cáo, ngày ký duyệt báo cáo	Ngày đăng lên website	Đường link
Rồi	Số 2419/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	20/12/2021	http://trungtamnuocsachtn.com.vn/Portals/VBPQ/2419.signed.signed.pdf	Báo cáo sẽ được công bố công khai trên trang website sau khi ban hành			

BẢNG I-8 – TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.2 - Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện

Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm: UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/6/2021 phê duyệt kế hoạch tăng cường năng lực và kế hoạch truyền thông cấp nước, truyền thông thay đổi hành vi năm 2021		
Tên hoạt động	Mục tiêu	Kết quả
NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tỉnh)		
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai chương trình cấp tỉnh	01 Hội nghị, ½ ngày, 50 người/hội nghị	01 hội nghị, ½ ngày, 50 người/hội nghị. Nam: 20; Nữ: 30; DTTS: 12. Ngày: 07/10/2021
Hoạt động 2: Tập huấn về Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình và hướng dẫn thực hiện các vấn đề về giới và dân tộc thiểu số trong chương trình	01 Hội nghị, 1,5 ngày, 50 người/hội nghị	01 Hội nghị, 1,5 ngày, 50 người/hội nghị. Nam: 20; Nữ: 30; DTTS: 12. Ngày: 07-08/10/2021
Hoạt động 3: Tập huấn thông tin giáo dục truyền thông về cấp nước	14 lớp, 1 ngày/lớp, 40 người/lớp	14 lớp, 1 ngày/lớp, 40 người/lớp. Cụ thể: - Lớp tập huấn tại xã Hoà Bình (ngày 13/9/2021): 40 người. Nữ: 10, Nam: 30; DTTS: 18. - Lớp tập huấn tại xã Hợp Tiến (ngày 13/9/2021): 40 người. Nữ: 9, Nam: 31; DTTS: 22. - Lớp tập huấn tại xã Hồng Tiến (14/9/2021): 40 người, Nữ: 12, Nam: 28; DTTS: 0. - Lớp tập huấn tại xã Trung Thành (14/9/2021): 40 người, Nữ: 7, Nam: 33; DTTS: 0. - Lớp tập huấn tại xã Đông Cao (15/9/2021): 40 người, Nữ: 5, Nam: 35; DTTS: 0. - Lớp tập huấn xã Tiên Phong (15/9/2021): 40 người, Nữ: 13, Nam: 27; DTTS: 0. - Lớp tập huấn xã Đắc Sơn (16/9/2021): 40 người, Nữ: 20, Nam: 20; DTTS: 0. - Lớp tập huấn xã Trảng Xá (16/9/2021): 40 người, Nữ: 15, Nam: 25; DTTS: 25. - Lớp tập huấn tại xã Sơn Cẩm (21/9/2021): 40 người, Nữ: 14, Nam: 26; DTTS: 9. - Lớp tập huấn tại xã An Khánh (21/9/2021): 40 người, nữ: 12; nam: 28; DTTS: 13. - Lớp tập huấn tại xã Hà Thượng (20/9/2021): 40 người, nữ: 19; nam: 21; DTTS: 4. - Lớp tập huấn xã Cù Vân (20/9/2021): 40 người, nữ: 16; nam: 24; DTTS: 9. - Lớp tập huấn xã Tức Tranh (17/9/2021): 40 người, nữ: 18; nam: 22; DTTS: 9. - Lớp tập huấn xã Cổ Lũng (17/9/2021): 40 người, nữ: 11; nam: 29; DTTS: 11
Hoạt động 4: Tập huấn về hướng dẫn vận hành và quản lý công trình cấp nước tập trung	04 lớp, 01 ngày/lớp, 40 người/lớp.	- Lớp tập huấn tại xã Cổ Lũng (22/9/2021): 40 người, nữ: 13, nam: 27, DTTS: 11. - Lớp tập huấn tại xã Hoà bình (24/9/2021): 40 người, nữ 15, Nam: 25. DTTS: 16 - Lớp tập huấn tại xã Đắc Sơn (23/9/2021): 40 người, nữ: 14, Nam: 26. DTTS: 0. Lớp tập huấn tại xã Vạn Phái (18/9/2021): 40 người, nữ: 16, nam: 24. DTTS: 0.

Hoạt động 5: Hội nghị cấp nước an toàn	01 Hội nghị 03 ngày, 68 người	01 Hội nghị 03 ngày (ngày 13-15/10/2021): 68 người, nữ: 16, nam: 52. DTTS: 20.
Hoạt động 6: Hội nghị tổng kết chương trình	01 Hội nghị 01 ngày, 52 người.	01 Hội nghị 01 ngày (ngày 17/12/2021): 52 người, nữ: 26, nam: 26. DTTS: 7.
NGÀNH Y TẾ (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)		
Cấp tỉnh		
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai về chương trình năm 2021	Số lượng: 01 hội nghị Số người: 40 đại biểu	Tổ chức ngày 19,20/8/2021 Số lượng: 02 cuộc (Tuần thủ theo Công văn số 3345/UBND-KGVX ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tiếp tục thực hiện một số biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID trên địa bàn tỉnh. Hội nghị được tổ chức chia thành 2 ngày) Số đại biểu: 34/40 người. (Nam: 18 người; Nữ: 16 người; DTTS: 15 người)
Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ huyện, xã	Số lượng: 01 lớp Số người: 20 học viên	Tổ chức 2 ngày 26, 27/8/2021 Số lượng: 01 cuộc Số học viên: 20 người. (Nam: 11 người; Nữ: 9 người, DTTS: 10 người)
Cấp huyện		
Hoạt động 3: Hội nghị triển khai về chương trình năm 2021	1 hội nghị/1 huyện Tổng số người tham dự: 85 người	Tổng: 5 Hội nghị Tổng số đại biểu tham dự: 83/85 người - Huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 29/10/2021 với 17 đại biểu (Nam: 9 người; Nữ: 8 người; DTTS: 05 người). - Huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 17/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 5 người; Nữ: 12 người, DTTS: 06 người). - Xã Huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 14/10/2021 với 15 đại biểu (Nam: 6 người; Nữ: 9 người; DTTS: 6 người). - Huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 20/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 7 người, DTTS: 10 người). Huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 7/9/2021 với 17 đại biểu (Nam: 5 người; Nữ: 12 người, DTTS: 9 người).
Hoạt động 4: Tập huấn cho cán bộ xã, tuyên truyền viên về phương pháp thực hiện kỹ năng truyền thông	1 lớp/xã (tổng 5 lớp) Tổng số: 166 học viên	Tổng số lớp: 5 lớp Tổng số đại biểu tham dự: 116/166 đại biểu

tại cộng đồng		- Xã Minh Tiến huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 9/11/2021 với 20 đại biểu (Nam: 11 người; Nữ: 9 người, DTTS: 15 người). - Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 3,4/11/2021 với 16 đại biểu (Nam: 8 người; Nữ: 8 người, DTTS: 9 người). - Xã Sơn Phú huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 19,20/10/2021 với 26 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 12 người, DTTS: 16 người). - Xã Yên Ninh huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 8,9/9/2021 với 28 đại biểu (Nam: 18 người; Nữ: 10 người, DTTS: 24 người). Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 22,23/9/2021 với 14 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 4 người, DTTS: 7 người). Tổ chức ngày 27,28/9/2021 với 12 đại biểu (Nam: 9 người; Nữ: 3 người, DTTS: 10 người).
Cấp xã		
Hoạt động 5: Hội nghị triển khai kế hoạch năm 2021	1 hội nghị/xã (Tổng 5 hội nghị) Tổng số đại biểu: 88	Tổng số: 05 Hội nghị Tổng số đại biểu tham dự: 88/88 đại biểu - Xã Minh Tiến huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 11/11/2021 với 16 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 4 người, DTTS: 10 người). - Xã Tân Lợi huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 12/11/2021 với 14 đại biểu (Nam: 3 người; Nữ: 11 người, DTTS: 7 người). - Xã Sơn Phú huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 18/10/2021 với 19 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 5 người, DTTS: 9 người). - Xã Yên Ninh huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 10/9/2021 với 20 đại biểu (Nam: 8 người; Nữ: 12 người, DTTS: 15 người). Xã Dân Tiến huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 21/9/2021 với 19 đại biểu (Nam: 10 người; Nữ: 9 người, DTTS: 12 người).
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
Hoạt động 1: Hội nghị tập huấn TOT và triển khai Kế hoạch tăng cường năng lực truyền thông và thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2021	- 01 Hoạt động với các nội dung: Triển khai các văn bản của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự án “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” vay vốn WB của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt kế hoạch tăng cường năng lực, Kế hoạch truyền thông cấp nước sinh hoạt nông thôn và kế hoạch thay đổi hành vi hợp phần vệ sinh năm 2019 thuộc Dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và	- Tổ chức ngày 28/10/2021 - Thành phần: 118 người trong đó Sở GDĐT: 2 người; Phòng GDĐT: 02 x 4 phòng = 8 người; 27 trường mầm non, tiểu học, THCS 8 xã mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - Có 38 nam và 80 nữ ; có 74 Dân tộc ít người /118 người; 44 dân tộc kinh - Học viên nắm được các văn bản của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của Ủy ban

	nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên)	nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự án “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” vay vốn WB của UBND tỉnh Thái Nguyên, các nội dung của Kế hoạch truyền thông cấp nước sinh hoạt nông thôn và kế hoạch thay đổi hành vi hợp phần vệ sinh năm 2021 thuộc Dự án
Hoạt động 2: Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi của học sinh về nước sạch, vệ sinh trong trường học	- 01 Hoạt động với các nội dung: giúp cho học viên Nhận thức được ý nghĩa của chương trình và lợi ích khi xã đạt các tiêu chí “ Vệ sinh toàn xã” Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị trường học cam kết với Ban chỉ đạo dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên là nghiêm túc triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học. Thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi cho học sinh về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh cũng như rửa tay bằng xà phòng theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo tốt các điều kiện vệ sinh đối với công trình nước sạch và vệ sinh trong trường học, bao gồm cả việc dọn vệ sinh hàng ngày và có sẵn nước sạch, xà phòng. Đảm bảo duy trì bền vững các tiêu chí cho “nhà tiêu hợp vệ sinh” trong trường. - 01 Hoạt động với các nội dung: Hướng dẫn Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong Trường học học. Đến thời điểm tháng 12/2020; 100% hiệu trưởng của các đơn vị trường học được hưởng thụ dự án đã ký cam kết và nộp về Sở GDĐT - Triển khai, phổ biến chương trình vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi trong trường học về rửa tay bằng xà phòng và sử dụng bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đối với phòng GDĐT, Bán giám hiệu các trường học trên địa bàn thụ hưởng chương trình.	- Tổ chức ngày 28/10/2021 - Thành phần: 118 người trong đó Sở GDĐT: 2 người; Phòng GDĐT: 02 x 4 phòng = 8 người; 27 trường mầm non, tiểu học, THCS 8 xã mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - 100% học viên tham gia hội nghị đều nhận thức được ý nghĩa của chương trình và lợi ích khi xã đạt các tiêu chí “ Vệ sinh toàn xã” Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị trường học cam kết với Ban chỉ đạo dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên là nghiêm túc triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học.
Hoạt động 3: Tập huấn về giám sát, báo cáo về các hoạt động thực hiện trong trường học đã thực hiện để đảm bảo chất lượng của các hoạt động được thực hiện .	- 01 Hoạt động với các nội dung: - Hướng dẫn học viên cách đánh giá điều kiện vệ sinh, nước sạch của trường học và đề nghị kiểm đếm bền vững năm 2020 về công tác giáo dục, hướng dẫn trẻ em, học sinh thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường (rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường tại trường	- Tổ chức ngày 28/10/2021 - Thành phần: 118 người trong đó Sở GDĐT: 2 người; Phòng GDĐT: 02 x 4 phòng = 8 người; 27 trường mầm non, tiểu học, THCS 8 xã mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - Có 38 nam và 80 nữ ; có 74 Dân tộc ít người /118 người; 44 dân tộc kinh

	học, tuân thủ việc ăn chín, uống chín, thay đổi thói quen, phong tục tập quán có nguy cơ dẫn đến mất vệ sinh, an toàn thực phẩm,...). - Hướng dẫn học viên cách Đánh giá công tác tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện truyền thông hoặc tổ chức hoạt động ngoại khóa vào sáng thứ 2 hàng tuần tại các đơn vị, trường học về các hoạt động bảo vệ môi trường, nhằm nâng cao nhận thức của học sinh về thực hành vệ sinh, giữ gìn và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sống xanh, sạch đẹp, Phối hợp với các đơn vị trong xã để thực hiện đầy đủ các nội dung của Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra. - Hướng dẫn học viên cách Đánh giá việc tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục vệ sinh cá nhân, NS-VSMT, sử dụng và bảo quản công trình nước sạch và vệ sinh trong trường học nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của học sinh.	- Học viên nắm được các văn bản của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự án “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” vay vốn WB của UBND tỉnh Thái Nguyên, các nội dung của Kế hoạch truyền thông cấp nước sinh hoạt nông thôn và kế hoạch thay đổi hành vi hợp phần vệ sinh năm 2021 thuộc Dự án
--	--	--

Ghi chú:

- Mục tiêu: Điền số lượng hoạt động theo kế hoạch
- Kết quả: Điền số lượng hoạt động đã thực hiện, số lượng người tham gia, số lượng nam, nữ và DTTS, ngày tháng năm thực hiện

II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2021				
						Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được			
Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình										
						Từ xã VSTX theo KH	Từ đầu nổi nước theo KH	Từ xã đạt được VSTX	Từ đầu nổi nước đạt được	Tổng số kết quả đạt được
Chi số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	Tổng dân số	X		Số	0	6.687	19.357	6.687	16.333	23.020
	% nữ giới			%		60	51	60	51	56
	Tổng số Hộ			số		1.587	4.967	1.587	4.188	5.775
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			%		15	10	15	10	13
	% hộ DTTS			%		35	35	35	35	35
Chi số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ		X	Số lượng	0	1.551		1.493		
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ				10		10			
Chi số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	1		1		
Chi số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng	5	5		5		
Chi số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3				Có/ Không	No	0		0		
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản										
Chi số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã			X	Tỉnh		1	1	1		

Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu				Số lượng	27	27	27
Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC				Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	0	1	1
Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không	0	0
Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0	0	0
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Có cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động							
Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đầu nối	X	X	Số lượng	4.967		4.188
	% hộ gia đình có nữ là chủ hộ				10	10	
Chỉ số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo	Tổng số			Số lượng	0		Đã hoàn thành chỉ số kết quả trung gian 7 đến hết năm 2020. Do đó năm 2021 không thực hiện
	Trường học				0		
	Trạm y tế				0		
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện							
Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố			X	Số lượng	2	2	2
Chỉ số Kết quả Trung gian 9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng				Số tình có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập và sử dụng	0	0	0
Chỉ số Kết quả Trung gian 10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện			X	Số tình đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	1	1	1
Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của diện vệ sinh toàn xã				Số xã có các hệ thống được lắp đặt sẵn sàng để theo dõi tính bền vững	0	0	0

Ghi chú: Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đầu nối nước mới

III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHĐ TỈNH	
Hành động 1	
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phản hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	Có
Hành động2	
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Không
(c) Không có công ty bị cấm	Không
Hành động3	
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rồi
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rồi
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng	Rồi
Hành động4	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cở mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
Hành động5	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

BẢNG III-2: MÔ TẢ TUÂN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH					
Hành động	Tuân thủ với Hành động				
1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ	Số đơn khiếu nại được nhập vào cơ sở dữ liệu: 0				
	Tham vấn cộng đồng:	Tham nhũng:	QLTC và Đấu thầu:	Đấu thầu:	Thực hiện chương trình:
	0	0	0	0	0

liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho Ngân hàng Thế giới.	Số đơn khiếu nại được trả lời: 0				
	Tham vấn cộng đồng:	Tham nhũng:	QLTC và Đấu thầu:	Đấu thầu:	Thực hiện chương trình:
	0	0	0	0	0
2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo: (a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b) Các Doanh nghiệp nhà nước phụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và (c) Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.	Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:			Số đề xuất và dự thầu được đánh giá:	
	0			0	
	Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia: Không				
	Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia: Thường xuyên cập nhật danh sách nhà thầu bị cấm trên trang thông tin điện tử và đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cập nhật thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh để biết được danh sách các doanh nghiệp Nhà nước phụ thuộc, các nhà thầu bị cấm trên địa bàn tỉnh.				
3. Kế hoạch và ngân sách hàng năm sẽ được phê duyệt ở tất cả các cấp, và tiền sẽ được chuyển về kịp thời. Các hợp phần của hoạt động này bao gồm: (a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh; (b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; (c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.	Tiến độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sách hàng năm cho Chương trình: Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2021, UBND tỉnh trên cơ sở vốn được giao, phê duyệt chi tiết vốn thực hiện Chương trình năm 2021.				
	Đã hoàn thành kế hoạch phân bổ vốn năm 2021				
	Tiến độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình: Hoàn thành kế hoạch phân bổ ở cấp tỉnh:				
	UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình: Các quyết định gồm Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 20/1/2021 về việc phân bổ chi tiết vốn đối ứng; Quyết định số 909/QĐ-UBND, 30/3/2021; số 1272/QĐ-UBND, ngày 26/4/2021 về việc phân bổ chi tiết vốn nước ngoài.				
	Tiến độ phân bổ cho vệ sinh và truyền thông:				
	UBND tỉnh Đã phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn thực hiện vệ sinh và truyền thông và đã hoàn thành theo kế hoạch phê duyệt: Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện các hoạt động sự nghiệp.				
4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham	Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số:				

vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước còi mở và được cung cấp đủ thông tin	Tham vấn người dân nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số về xây dựng công trình cấp nước và xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình.	
	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc Thiểu số:	660
5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Tóm tắt Tình trạng xây dựng và thực hiện cấu phần BCC:	
	1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát danh sách các xã đạt vệ sinh toàn xã để quyết định lựa chọn xã tham gia thực hiện vệ sinh toàn xã năm 2019. 2. Xây dựng kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi gửi tham vấn các cơ quan liên quan và tư vấn ngân hàng cho ý kiến. 3. Gửi cơ quan thường trực của Chương trình tổng hợp và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch. 4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi theo kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt.	
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC:	23

IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

	Ngày nộp/ thực hiện		
(a) Báo cáo tài chính:	Ngày/ tháng/ năm nộp báo cáo: Ngày 15/3/2021 nộp Báo cáo tài chính năm 2020		
(b) Ngân sách hàng năm			
	Vốn đối ứng (Tr.đ)	Vốn vay lại (Tr.đ)	Vốn WB (Tr.đ)
Vốn sự nghiệp:	số 1608, 21/5/2021,		
Đề xuất	2.000	0	0
Phân bổ	2.000	0	0
Giải ngân	2.000	0	0
Vốn đầu tư:	số 153, 20/1/2021, số 909, 30/3/2021	số 1272, 26/4/2021	số 909, 30/3/2021
Đề xuất	2.500	#	#
Phân bổ	2.500	3.222,5	32.015
Giải ngân (Dự kiến)	2.500	3.222,5	32.015
(c) Đối chiếu	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022
(d) Báo cáo kiểm toán	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022	Tháng 2/2022

V. CÁC KHÍA CẠNH XÃ HỘI

Bảng V-I: Tái định cư

Phạm vi ảnh hưởng của các công trình nước đến ngày 31/12/2021 theo kỳ báo cáo)															
STT	Tên công trình	Số hộ BAH vĩnh viễn								Diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn (m ²)					Tổng diện tích hiện đất (m ²)
		Số hộ BAH nặng			Số hộ bị mất dưới 30% đất SX	Số hộ kinh doanh BAH	Số hộ DTTS BAH	Số hộ dễ bị tổn thương	Tổng cộng	Đất ở	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	Tổng cộng	
		Tổng số	Số hộ bị mất từ 30% đất sản xuất trở lên	Số hộ phải tái định cư											
1	Công trình cấp nước xã Linh Sơn huyện Đồng Hỷ	1	1	0	2	0	0	0	3	28,1	0	0	907,3	935,4	0
2	Công trình cấp nước xã Vạn Phái TX Phổ Yên	0	0	0	3	0	0	0	3		0	466	163	629	0
3	Công trình cấp nước xã Đông CaoTX Phổ Yên	0	0	0	6	0	0	0	6		317,5		383,1	700,6	0
4	Công trình cấp nước xã Tiên Phong TX Phổ Yên	0	0	0	10	0	0	0	10		39,1		589,1	628,2	
5	Công trình cấp nước Cụm xã Cù Vân - Hà Thượng - Anh Khánh, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	900	0	900	0
	Tổng cộng	1	1	0	21	0	0	0	22	28,1	356,6	1366	2042,5	3793,2	0

Ghi chú: BAH: Bị ảnh hưởng

Tình trạng chi trả bồi thường và GPMB									
STT	Tên công trình	Tổng tiền bồi thường và hỗ trợ	Tổng tiền đã trả ('000 VND)		Tình trạng chi trả		Tình trạng bàn giao đất		
			Đã trả đến ngày báo cáo	Tổng tiền còn phải trả	Số hộ đã nhận tiền	Số hộ chưa nhận tiền	Số hộ đã giao đất	Số hộ chưa giao đất	Số hộ hiện đất
	Tổng	893.923,239	893.923,239	0	22	0	22	0	
1	Công trình cấp nước xã Linh Sơn huyện Đồng Hỷ	387.693,600	387.693,600	0	3	0	3	0	

2	Công trình cấp nước xã Vạn Phái TX Phổ Yên	68.137,189	68.137,189	0	3	0	3	0	
3	Công trình cấp nước xã Đông Cao TX Phổ Yên	232.821,950	232.821,950	0	6	0	6	0	
4	Công trình cấp nước xã Tiên Phong TX Phổ Yên	225.240	183.615	41.625,000	7	0	7	0	
5	Công trình cấp nước Cụm xã Cù Vân - Hà Thượng - Anh Khánh, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	17.226,000	17.226,000	0	3	0	3	0	

Bảng V-2: Dòng lao động

Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết		Tình trạng giải quyết	
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		x				
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm (trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		x				
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		x				
4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		x				
5	Bạo lực về giới (lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em nữ, quan hệ bóc lột tình dục, quan hệ tình dục vị thành niên)		x				
6	Lao động trẻ em và bỏ học để đi lao động		x				
7	Tăng tắc nghẽn và tai nạn giao thông		x				

Theo dõi luồng lao động của các nhà thầu				
STT	Tên công trình	Số lượng công nhân theo công trình		
		< 50 công nhân	=> 50-100	>100
1	Cấp nước xã Hồng Tiến thị xã Phổ Yên	x		
2	Cấp nước xã Trung Thành thị xã Phổ Yên	x		

3	Cấp nước xã Huống Thượng thành phố Thái Nguyên	x		
4	Cấp nước Làng Tràng xã Tràng xá huyện Võ Nhai	x		
5	Cấp nước xã Hóa Thượng huyện Đồng Hỷ	x		
6	Cấp nước xã Tân Hương thị xã Phổ Yên	x		
7	Cấp nước SH xã Đông Cao (giai đoạn 1)	x		
8	Cấp nước SH xã Đông Cao (giai đoạn 2)	x		
9	Nâng cấp, cải tạo công trình xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ	x		

Bảng V-3: Giới và Dân tộc thiểu số:

#	Kết quả mong đợi	Chỉ số	Ngành nước	Ngành y tế	Ngành giáo dục	
	NÂNG CAO NĂNG LỰC NÂNG CAO NĂNG LỰC					Tổng
1		Số người được đào tạo	890	341	118	1349
		Số người tham gia là nữ	311	173	80	564
2		% người tham gia là nữ	35	50,73	67,79	51,2
		Số người tham gia là DTTS	177	177	74	428
3		% người tham gia là DTTS	20	51,9	62,70	44,9

	Cấp nước tập trung		Cấp nước xã Hồng Tiến thị xã Phổ Yên	Cấp nước xã Trung Thành thị xã Phổ Yên	Cấp nước xã Huống Thượng thành phố Thái Nguyên	Cấp nước Làng Tràng xã Tràng xá huyện Võ Nhai	Cấp nước xã Hóa Thượng huyện Đông Hỷ	Cấp nước xã Tân Hương thị xã Phổ Yên	Cấp nước SH xã Đông Cao (giai đoạn 1)	Cấp nước SH xã Đông Cao (giai đoạn 2)	Nâng cấp, cải tạo công trình xã Hợp Tiến huyện Đông Hỷ	Nâng cấp cấp nước xã Hòa Bình huyện Đông Hỷ	Cấp nước xã Đắc Sơn TX Phổ Yên	Cụm liên xã An Khánh, Hà Thượng, Cù Vân huyện Đại Từ và Sơn Cẩm TP TN	Cấp nước xã Tức Tranh huyện Phú Lương	Cấp nước xã Cỏ Lũng huyện Phú Lương	Tổng
1	Thông tin về công trình	Số hộ đầu nối	500	465	265	60	71	35	678	543	235	220	190	3530	850	534	8176
		Số hộ có nữ làm chủ hộ	99	78	27	9	17	2	176	98	101	36	27	175	42	26	913
		Số hộ là DTTS	45	57	82	51	20	5	85	93	190	185	33	1236	297	240	2619
2	Tham vấn với cộng đồng về thiết kế, giá nước và đóng góp của hộ dân	Số người tham gia	430	501	302	81	79	43	809	555	401	0	169	3120	880	556	7926
		Số người tham gia là nữ	123	91	109	19	21	7	197	97	190	0	118	2950	540	380	4842
		% người tham gia là nữ				23,5	26,6	16,3	24,4	17,5	47,4	0,0	69,8	94,6	61	68	
		Số người tham gia là DTTS	42	39	67	80	59	7	88	90	390	0	20	1032	370	220	2504
		% người tham gia là DTTS				98,8	74,7	16,3	10,9	16,2	97,3	0,0	11,8	33,1	42	40	
3	Tham vấn cộng đồng về vận hành bảo dưỡng công trình, và các tác động, đền bù nếu có	Số người tham gia	40	40	0	40	0	0	40	40	40	80	80	140	40	80	660
		Số người tham gia là nữ	12	7	0	15	0	0	5	5	9	10	34	63	18	11	189
		% người tham gia là nữ	30	17,5		37,5			12,5	12,5	22,5	12,5	42,5	45	45	13,75	
		Số người tham gia là DTTS	0	0	0	25	0	0	0	0	22	22	0	34	9	11	123
		% người tham gia là DTTS	0	0	0	62,5			0	0	55	27,5	0	24,3	22,5	13,75	
4	Trao quyền	# Tổng số người trong tổ vận hành	0	0	0	2	0	0	0	0	2	3		0	0	0	0

	cho phụ nữ	# nữ tham gia vào tổ vận hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
		% nữ tham gia vào tổ vận hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
		% nữ DTTS tham gia vào tổ vận hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
		% nữ DTTS tham gia vào tổ vận hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0

Ghi chú:

- Theo hướng dẫn về VH&BD, cần có ít nhất 2 cuộc tham vấn cho mỗi công trình, có thể kết hợp nhiều nội dung vào một cuộc tham vấn
- #4 (Trao quyền cho phụ nữ): chỉ điền cho những công trình do cộng đồng quản lý

VI. MÔI TRƯỜNG

- (a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:
 (b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:
 (c) Báo cáo tiểu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ đầu triển khai dự án tới (giai đoạn báo cáo)	Số tiểu dự án: 11 tiểu dự án						
01/năm 2017 - 12/năm 2020	Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành	ĐTM/KHBVMT được chuẩn bị	ĐTM/KHBVMT được phê duyệt	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép xả nước	Quy tắc thực hành về môi trường được đưa vào tài liệu đấu thầu	Môi trường Giám sát đưa vào báo cáo tiến độ
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	12		1	Tổng số 11 công trình phải thực hiện giấy phép khai thác nước, đã hoàn thành xong 11 công trình đã có giấy phép.	Không có (do lượng xả thải thấp nên không thực hiện giấy phép xả thải)	12	12
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước ngầm	13		6			13	13
Số lượng công trình vệ sinh và cấp nước (trường/trạm) sử dụng nước mặt	-	-	-			-	-
Số lượng công trình vệ sinh và cấp nước (trường/trạm) sử dụng nước ngầm	-	-	-			-	-
Số lượng đào tạo về môi trường được tiến hành trong giai đoạn báo cáo		0					
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong ĐTM/KHBVMT		Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường					
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cặn, v.v) và hồ sơ mời thầu và hợp đồng.				Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong thiết kế kỹ thuật và các hồ sơ mời thầu mang tính chất ràng buộc của các công trình xây dựng cho các nhà thầu để bảo vệ môi trường tốt hơn.			
Nhận xét về các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng: tác động, các biện pháp giảm nhẹ tác động do Nhà thầu thực hiện				Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình xây dựng theo cam kết trong KHBVMT và theo quy định khác có liên quan			
Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông							
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình							
Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.				0			
Các nhận xét khác				0			

VII. CÔNG TÁC ĐẦU THẦU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

a) *Đánh giá tổng quan:*

- Số hợp đồng mới được trao: Không có hợp đồng mới trong năm 2021.
- Số hợp đồng đã hoàn thành: Tổng số 82 hợp đồng, đến nay đã hoàn thành 82 hợp đồng.
- Tỷ lệ tuân thủ theo PAP về mặt đấu thầu: 100% tuân thủ theo PAP về mặt đấu thầu.
- Các khiếu kiện khiếu nại nếu có: Không.
- các vấn đề nổi cộm và đề xuất giải pháp khắc phục: Không.

b) *Bảng thông tin tổng hợp*

STT	Loại hợp đồng (gói thầu)	HĐ theo kế hoạch được duyệt		Số HĐ đã ký		HĐ đang thực hiện		HĐ đã hoàn thành		Tuân thủ KHHD #2 về đấu thầu (Y/N)
		Số lượng HĐ	Dự Toán tiền đấu thầu được phê duyệt cuối cùng (Tr. VNĐ)	Qua đấu thầu rộng rãi	Qua chỉ định thầu	Số lượng HĐ	Giá trị (VNĐ)	Số lượng HĐ	Giá trị (VNĐ)	
Cấp nước nông thôn										
1	Hợp đồng xây lắp, thiết bị	22	131.553	21	1			22	131.258	Y
2	Hợp đồng tư vấn	60	19.383	11	49	0	0	60	19.383	Y
	Tổng cộng	82	150.936	32	50			82	150.641	

Ghi chú: Các tiểu dự án cấp nước trường học và trạm y tế đã hoàn thành mục tiêu, năm 2021 không thực hiện .